

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v: “Ly hôn giữa bà Ng và ông Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng K.

2. Bà Đoàn Thị Liễu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Thị Bé Ng, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 4/39A, khu phố P K, phường V H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Công Th, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Số 33/58, Hẻm 1 V T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Thị Bé Ng trình bày: Bà Ng và ông Th tự nguyện quen nhau khoảng hơn 06 tháng, đi đến chung sống vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố R G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2011.

Lý do bà Ng yêu cầu xin ly hôn: Bà Ng cho rằng do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp do ông Th thường hay ăn nhậu rồi về kiểm chuyện chửi bới, xúc phạm đến bà Ng. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên bà Ng và ông Th đã tự ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Ng xác nhận, vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Công Kh, sinh ngày 03/9/2011 và Lê Đăng K, sinh ngày 16/8/2014. Người con tên Lê Đăng K do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, còn người con tên Lê Công Kh do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Công Th vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai đề ngày 26/8/2020 ông Th thể hiện ý kiến:*

Về hôn nhân: Ông Th đồng ý ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Ông Th yêu cầu được nuôi người con tên Lê Công Kh và đồng ý giao người con tên Lê Đăng K cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Th và bà Ng không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Ng yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 21/8/2020, người con Lê Công Kh có nguyện vọng muốn được sống với cha là ông Th. Người con tên Lê Đăng K có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Ng.

Bà Ng yêu cầu nuôi người con tên Lê Đăng K và đồng ý giao người con tên Lê Công Kh cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ng và ông Th không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn Th.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa bà Ng xác nhận xác nhận, bà Ng và ông Th tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn trễ hạn và được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2011. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông Th được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ng*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà Ng, ông Th không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình giữa bà Ng và ông Th, nhưng ông Th cố tình lánh mặt không đến Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Ng; điều đó cho thấy ông Th cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn tình cảm với bà Ng. Bà Ng và ông Th cũng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, cả hai đã có cuộc sống riêng, mạnh ai nấy sống và không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ng và ông Th đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng được ly hôn với ông Th.

[4] *Về con chung*: Bà Ng và ông Th xác nhận có 02 người con chung tên Lê Công Kh, sinh ngày 03/9/2011 và Lê Đăng K, sinh ngày 16/8/2014. Người con tên Lê Đăng K do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, còn người con tên Lê Công Kh do ông Th trực tiếp nuôi dưỡng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 21/8/2020, người con Lê Công Kh có nguyện vọng muốn được sống với cha là ông Th. Người con tên Lê Đăng K có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Ng.

Xét thấy, trong thời gian đôi bên ly thân với nhau, bà Ng nuôi dưỡng người con tên Lê Đăng K và ông Th nuôi dưỡng người con tên Lê Công Kh thì bà Ng và ông Th đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ, người cha đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các con; đồng thời 02 người con chung nêu trên đều có nơi học tập, sinh sống ổn định. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con, cũng như tôn trọng nguyện vọng của những người con chung và sự tự nguyện thỏa Th giữ bà Ng, ông Th. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con tên Lê Đăng K, sinh ngày 16/8/2014 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng và giao người con tên Lê Công Kh cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do bà Ng và ông Th không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng, ông Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ng phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thị Bé Ng và ông Lê Công Th.

2. Về con chung: Giao người con tên Lê Đăng K, sinh ngày 16/8/2014 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Giao người con tên Lê Công Kh cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ng và ông Th không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Th, bà Ng được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng, ông Th xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Ng phải nộp 300.000 đồng. Bà Ng đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004521, ngày 22/6/2020 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên bà Ng được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa